

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

“Tư tưởng Hồ Chí Minh” không khép kín, tự đủ, không nhất thành bất biến mà luôn luôn phát triển với dân tộc và thế giới.

Nói về thế kỷ XX vừa lùi vào quá khứ, có người đã khái quát bằng một hình ảnh thật độc đáo có ý nghĩa khơi gợi rất lớn: Nếu lịch sử hơn 4 triệu năm của loài người thu lại trong 1 năm thì thế kỷ XX chỉ là 13 phút, từ 23^h47' đến 24^h của ngày 31/12. Trong 13 phút ấy, đặc biệt trong 5 phút cuối cùng, loài người đã hiểu biết nhiều hơn toàn bộ hệ thống kiến thức tích lũy trước đó, tức là từ khi trên trái đất bắt đầu có con người! Bình minh của thiên niên kỷ mới với những năm đầu của thế kỷ XXI đã cho ta những cảm nhận thật sống động, những biến động dữ dội khó mà tiên liệu được! Một sự dồn nén như vậy tất sẽ đưa đến những đột biến lớn lao trong lịch sử tư tưởng của loài người, "lượng" sẽ biến thành "chất". Đúng là, "chúng ta đang làm biến đổi môi trường của ta đến tận gốc rễ đến mức rồi ta phải tự biến đổi chính mình để tồn tại được trong môi trường đó" (Nobert Wiener). Chính những diễn biến của cuộc sống ở buổi bình minh của thiên niên kỷ đang khẳng định một sự thật: Chuẩn mực chính là sự thay đổi!

Với Hồ Chí Minh, chúng ta có tấm gương tuyệt vời về sự nhất quán từ trước đến sau, từ lúc khởi đầu cuộc tìm đường cứu nước, với bao sức ép từ mọi phía cho đến khi Đảng ra đời qua bao thăng trầm, thử thách khốc liệt để có cách mạng Tháng Tám 1945, ra đời nước cộng hòa non trẻ giữa vòng vây trùng điệp của kẻ thù, tiến hành hai cuộc kháng chiến với ý chí "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Đó là sự dân quyền về mục tiêu độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân.

Với mục tiêu đó, Hồ Chí Minh đã đấu tranh cho sự hợp nhất và ra đời của Đảng năm 1930, thậm chí có lúc vì mục tiêu đó mà dám có quyết định táo bạo cho dù đau đớn là tuyên bố Đảng tự giải tán. Thực chất là Đảng rút vào hoạt động bí mật chính vào lúc giành được chính quyền vào năm 1945. Rồi cũng vì mục tiêu đó mà sáng suốt và kiên quyết đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam vào năm 1951.

Tên tuổi và sự nghiệp của Hồ Chí Minh đã thực sự là ngọn cờ trong khối óc và trái tim của người Việt Nam của dân tộc Việt Nam. Gương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh để vẫy gọi và quy tụ mọi tấm lòng Việt Nam vốn nặng lòng vì quê hương, đất nước. Những người đã trải qua sự thử thách trong gần nửa thế kỷ chiến đấu và chiến thắng. Những người với những hoàn cảnh và điều kiện khác nhau đã gửi gắm tình yêu nước thương non của mình trong nhiều hành động và nghĩa cử không ai giống ai. Làm cho mọi giọt máu của mỗi người Việt Nam cùng chảy về trái tim của dân tộc để rồi tỏa đi khắp bốn phương nuôi dưỡng hành động vì nghĩa lớn đất nước. Làm được điều đó cũng là cách tạo nên được sự đồng thuận xã hội sâu sắc và rộng lớn, có sức vẫy gọi và hội được khối đại đoàn kết toàn dân tộc hướng về mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng văn minh.

"Tư tưởng Hồ Chí Minh" không khép kín, tự đủ, không nhất thành bất biến mà luôn luôn phát triển với dân tộc và thế giới. Phải biết làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh sống trong cuộc sống của mọi người Việt Nam, tiếp tục cho nghị lực và tâm hồn của mỗi con người

đang xây dựng cuộc sống của mình, gia đình mình và góp phần vào sự nghiệp chung của đất nước. Có thể làm được điều đó vì tư tưởng Hồ Chí Minh gần gũi với mọi tấm lòng Việt Nam, gần gũi như khí trời, như cơm ăn nước uống trong mạch sống Việt Nam từ túp lều tranh cho đến ngôi biệt thự.

Tư tưởng Hồ Chí Minh gần gũi với người nông dân còn bao gian khó, đổ mồ hôi, sôi nước mắt trên cánh đồng chưa có máy trọt lực của khoa học và công nghệ, cũng như với bà con nghèo đô thị nơi xóm thợ nghèo khổ của những công nhân làm việc tại các khu chế xuất, các xí nghiệp liên doanh... với bao nỗi lo toan trong cuộc mưu sinh nhọc nhằn. Hồ Chí Minh đến được với họ vì bình sinh Người chỉ có một "ham muốn, ham muốn tột bậc là làm cho cuộc sống của họ được no ấm, con em của họ được học hành. Những người lao động lam lũ ấy hiểu Hồ Chí Minh vì tư tưởng của người lãnh tụ nhân dân, đã quy tụ được những khát vọng, những mong mỏi hàng ngày vốn bình dị và nghiệt ngã như chính cuộc sống của họ vậy thôi.

Và, với những nhà doanh nghiệp đang có vai trò lớn trong xây dựng nền kinh tế thị trường lành mạnh, dẫn bước trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế, Hồ Chí Minh không xa lạ với họ. Từ những ngày đầu của chính quyền cách mạng Hồ Chí Minh đã nhận rõ vị trí của các nhà công thương trong khối đại đoàn kết dân tộc để làm cho đất nước phú cường. "Tuyên ngôn Độc lập" khai sinh ra nước Việt Nam mới được có trong căn phòng của một nhà tư sản lớn giàu lòng yêu nước.

Hơn ai hết, những người trí thức Việt Nam hiểu rõ Hồ Chí Minh, nhận ra tầm vóc lãnh tụ của dân tộc ở trí tuệ một nhà văn hoá lớn cùng trái tim ấp ủ những khát vọng nhân văn của một con người khao khát tự do: "*Trên đời ngàn vạn điều cay đắng/ Cay đắng chi bằng mất tự do*". Hồ Chí Minh đã biết cách trả về lại cho người trí thức Việt Nam ngọn nguồn yêu nước truyền thống vốn nằm sâu trong tâm thức của họ, khơi dậy năng lực cống hiến của tiềm lực trí tuệ trong họ. Với Hồ Chí Minh, người trí thức Việt Nam hiểu được chỗ đứng của họ trong lòng dân tộc.

Thời gian đủ để kiểm nghiệm độ chính xác và sự tường minh của một tư tưởng, trải qua những biến động dồn dập cả trong nước và trên thế giới vẫn chứng minh được sức bền, độ "chín" của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là sự kết tinh trí tuệ và khí phách của một dân tộc, là sự tiếp nhận và hội tụ những tinh hoa của tư tưởng mà loài người đã giữ lại qua quá trình tiếp biến, thanh lọc và kiểm nghiệm. Vì thế nó đủ tầm cao của sự khái quát của lý luận và đường hướng phát triển, vừa gần gũi, đi thẳng vào lòng người Việt Nam vì nó diễn đạt được chân lý của cuộc sống.

Chân lý thì luôn luôn đơn giản, song hiểu được chân lý, đến được với chân lý thì thường lại cực kỳ gian nan.

Cuộc sống đang trải những bước đi táo bạo và quyết đoán trong thời đại của những biến động dồn dập. Tầm mắt không ít người đã được mở rộng hơn nhờ vào "sự xé toang một tấm màng bưng bít, sự hiện ra và sáng lên của sự thật, sự tan vỡ một số huyền thoại, sự phá sản nhiều giáo điều, sự bộc lộ những sai lầm trầm kha, sự nhận thức mới, không phải về tưởng mà về lý luận cách mạng, thực tiễn hoạt động và thực tế đời sống, sự khơi dậy những niềm hy vọng mới, sự bắt đầu một quá trình thanh lọc và tái tạo đầy hứa hẹn" (trích từ bài viết thế kỷ XX của Việt Phương – thành viên Ban nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ).

Để bắt đầu một quá trình thanh lọc và tái tạo đầy hứa hẹn ấy, mở rộng tầm mắt là điều kiện tiên quyết. Đó cũng là đòi hỏi trước tiên để có thể chủ động đón nhận sự thách thức mới trong quá trình hội nhập quốc tế. Tính chất gay gắt và chưa có tiền lệ của những

thách thức ấy đang đòi hỏi một bản lĩnh mới của những người đang gánh trên vai mình trách nhiệm nặng nề của lịch sử. Bản lĩnh ấy, xét đến cùng lại cũng được quyết định bởi tầm nhìn mới, bởi “đôi mắt mới nhìn vào thế giới”.

Không phải là không có lý khi người ta cho rằng: thế giới đã thay đổi và kiểu tư duy tuyến tính không còn thích hợp với một thế giới phi tuyến. Không có một bản đồ vạch sẵn cho con đường phía trước. Những kinh nghiệm có sẵn, những phương pháp truyền thống không còn đủ cho hành trình của dân tộc đi về phía trước. Vì thế, sáng tạo và linh hoạt trong tư duy cũng như trong hành động phải là phẩm chất hàng đầu của con người Việt Nam đang sống trong thế kỷ XXI. Để có được phẩm chất đó, đòi hỏi phải có “sự nhận thức mới, không phải về lý tưởng mà về lý luận cách mạng, thực tiễn hoạt động và thực tế đời sống”. Để làm được điều đó, phải biết khai thác cái lợi thế vô song của chúng ta, đó là uy tín của tên tuổi và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh – anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá mà thế giới từng biết và đã tỏ lòng ngưỡng mộ.

Câu 1:

Phân tích những luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc. Để thực hiện luận điểm kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp; độc lập dân tộc với CNXH; Vai trò của tư tưởng HCM hiện nay, chúng ta phải làm gì?

Trả Lời:

Sau khi tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc cho nhân dân ta, Hồ Chí Minh đã xúc tiến thành lập một chính Đảng cách mạng chân chính ở Việt Nam và Người đã cùng Trung ương Đảng ta trực tiếp lãnh đạo cách mạng, đưa sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam vượt qua mọi gian khổ, khó khăn, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Cả cuộc đời của Hồ Chí Minh đã dành trọn cho nhân dân, cho đất nước, cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng con người, giải phóng nhân loại cần lao, thoát khỏi mọi áp bức, bất công, vươn tới cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc. Cũng chính vì vậy mà vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng Việt Nam đã được Người quan tâm, nung nấu suốt cả đời. Để cập đến tư tưởng của Người về vấn đề nêu trên, tôi xin trình bày khái quát một số quan điểm lớn sau đây:

Thứ nhất, giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam - một nước thuộc địa nửa phong kiến, trước hết phải tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đánh đuổi quân xâm lược, đánh đổ bọn tay sai, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hoà bình và thống nhất đất nước.

Độc lập, tự do, hoà bình và thống nhất đất nước là khát vọng cháy bỏng của người dân mất nước. Bởi, mất nước là mất tất cả. Sống trong cảnh nước mất, nhà tan, mọi quyền lực nằm trong tay quân xâm lược và bọn tay sai thì quyền sống của con người cũng bị đe dọa chứ nói gì đến quyền bình đẳng, tự do, dân chủ của mọi người. Nếu có, đó chỉ là thứ tự do cướp bóc, bắt bớ, giết hại và tù đầy của quân xâm lược và bọn tay sai. Chính vì vậy mà “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, một trong những tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam đã trở thành chân lý của dân tộc Việt Nam và của cả nhân loại có lương tri.

Độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân – tư tưởng đó của Hồ Chí Minh đã trở thành mục tiêu hàng đầu của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng đó được quán triệt trong toàn bộ

tiến trình cách mạng Việt Nam và nó được thể hiện nổi bật trong các thời điểm có tính bước ngoặt lịch sử.

Khi trả lời câu hỏi của nữ đồng chí Rôđơ, thư ký Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp, họp ngày 29 tháng 12 năm 1920: Tại sao đồng chí lại bỏ phiếu cho Quốc tế III? HỒ Chí Minh trả lời: “Rất giản đơn. Tôi không hiểu chị nói thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác. Nhưng tôi hiểu rõ một điều: Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề thuộc địa... Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đây là tất cả những điều tôi muốn, đây là tất cả những điều tôi hiểu.”

Cũng ngay tại nước Pháp, giữa năm 1922, sau khi làm việc với Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp Anbe Xarô, HỒ Chí Minh đã nói thẳng với ông ta mong muốn của mình và của nhân dân Việt Nam rằng: “Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập...”

Năm 1945, đứng trước thời cơ mới của cách mạng nước ta, khi nói chuyện với đồng chí Võ Nguyên Giáp, HỒ Chí Minh khẳng định: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải cương quyết giành cho được độc lập.”

Năm 1966, khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân, HỒ Chí Minh kêu gọi: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do.”

HỒ Chí Minh coi mục tiêu đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, tự do của đồng bào là lẽ sống của mình. Quyền độc lập dân tộc không tách rời quyền con người và độc lập là điều kiện tiên quyết để mang lại hạnh phúc cho mọi người dân của đất nước mình. Đồng thời, độc lập dân tộc còn là điều kiện để dân tộc Việt Nam được quyền sống bình đẳng với các dân tộc khác trên thế giới và các dân tộc trong nước ta được chung sống bên nhau một cách bình đẳng, hoà thuận và cùng nhau đi tới cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Thứ hai, sau khi giành được độc lập dân tộc phải đưa đất nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm giải phóng con người, giải phóng xã hội, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu, vươn tới cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi người, mọi dân tộc.

Giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng Việt Nam nếu chỉ dừng lại ở cuộc đấu tranh để giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân thì sự nghiệp cách mạng đó mới chỉ đi được một chặng đường ngắn mà thôi. Bởi có độc lập, có tự do mà nhân dân vẫn đói khổ, thì nền độc lập tự do ấy cũng chẳng có ý nghĩa gì.

HỒ Chí Minh đã thấu hiểu cảnh sống nô lệ, lầm than, đói rét và tủi nhục của nhân dân các dân tộc Việt Nam trong thời thực dân, phong kiến. Bởi vậy, một trong những nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa quyết định của sự nghiệp giải phóng xã hội, giải phóng con người, theo HỒ Chí Minh là phải xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu, vươn tới xây dựng cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc thật sự cho tất cả mọi người.

Đó là ước nguyện, là ham muốn tốt bậc của HỒ Chí Minh và là ước nguyện mong mỗi bao đời nay của nhân dân các dân tộc Việt Nam. Người nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.”

Thực hiện được ước nguyện đó, theo HỒ Chí Minh chính là nhằm giải quyết một cách triệt để và thiết thực vấn đề dân tộc ở một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Thế nhưng đi về đâu và xây dựng một xã hội như thế nào để thực hiện được ước nguyện đó nhân dân các dân tộc Việt Nam cũng như cho cả nhân loại bị áp bức, bóc lột? Đó là điều trăn trở, ưu tư không chỉ ở Hồ Chí Minh mà ở tất cả những người có lương tri, trọng đạo lý, trọng nghĩa tình khác. Sự bất gặp và điểm tương đồng trong tư duy giữa Hồ Chí Minh với những người sáng lập ra học thuyết cách mạng và khoa học của thời đại cũng chính là ở chỗ đó.

Chúng kiến cảnh sống lầm than, khổ cực, bị bóc lột tới tận tột của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở thuộc địa và chính quốc, chúng kiến cảnh sống trái ngang của bọn tư sản, thực dân giàu có và gian ác, nên con đường giải phóng xã hội, giải phóng con người mà cả Hồ Chí Minh và C. Mác, Ph. Ăngghen, V. I. Lênin đều khẳng định là phải tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, chứ không phải là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, càng không phải là quay trở lại chế độ phong kiến.

Đối với Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định trước sau như một, là chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có đủ cơ sở và điều kiện để thực hiện công cuộc giải phóng con người một cách triệt để và thiết thực. Tức là thực hiện được đầy đủ các quyền của con người, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của tất cả mọi người.

Cũng chính vì vậy mà con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và độc lập phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội trở thành nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, và là mục tiêu chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam suốt hai phần ba thế kỷ và mãi mãi về sau.

Xuất phát từ hoàn cảnh của Việt Nam, đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp nghèo nàn, hậu quả của bọn thực dân, phong kiến để lại rất nặng nề nên Hồ Chí Minh cho rằng: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được học hành, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xoá bỏ... tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội.”

Thứ ba, phải thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc và đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Lịch sử của Việt Nam đã chứng minh trong cộng đồng các dân tộc ở nước ta không hề có dân tộc lớn (dân tộc nhiều người) đi áp bức, bóc lột dân tộc nhỏ (dân tộc ít người), mà quan hệ giữa các dân tộc với nhau là quan hệ anh em, ruột thịt. Truyền thống quý báu đó của dân tộc Việt Nam như Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Giarai hay Êđê, Xơđăng hay Bana... đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, nó đói giúp nhau.”

Bên cạnh việc lên án thủ đoạn đê hèn của bọn thực dân, phong kiến dùng chính sách “chia để trị” nhằm chia rẽ các dân tộc Việt Nam và để kìm hãm các dân tộc trong vòng nghèo nàn và dốt nát, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ tính ưu việt của chế độ mới để giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc ở Việt Nam: “Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta là: Các dân tộc đều bình đẳng và phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu giúp đỡ nhau như anh em. Đồng bào miền xuôi phải ra sức giúp đỡ đồng bào miền ngược cùng tiến bộ về mọi mặt.”

Hậu quả của chế độ thực dân phong kiến và các thế lực thù địch chống phá cách mạng để lại ở Việt Nam là rất nặng nề; để khắc phục hậu quả đó nhằm thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho đồng bào miền xuôi cũng như miền ngược, Hồ Chí Minh luôn coi trọng tình đoàn kết, thương yêu giúp đỡ

lẫn nhau giữa các dân tộc anh em ở trong nước. Bởi, chỉ có trên cơ sở đoàn kết mới tạo nên sức mạnh to lớn cho cách mạng Việt Nam để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của cách mạng đã đề ra.

Sau khi chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ Tám (5 – 1941), nhận thấy cơ hội cứu nước đang đến gần, Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào cả nước, trong thư Người viết: “...Hỡi các bậc phú hào yêu nước, thương nòi! Hỡi các bạn công nông, binh, thanh niên, phụ nữ, công chức, tiểu thương! Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng.”

Hồ Chí Minh chẳng những là người quan tâm đến đoàn kết dân tộc, mà chính Người là hiện thân của sự đoàn kết đó, là người trực tiếp tổ chức khởi đại đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi biểu hiện gây chia rẽ, hiểm khích, kỳ thị dân tộc để thực hiện tình đoàn kết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Bài học kinh nghiệm về đoàn kết trong cách mạng Việt Nam được Người tổng kết thành 14 chữ vàng như sau:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”

Để thực hiện quyền bình đẳng và xây dựng tình đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, *xuất phát từ hoàn cảnh và điều kiện sống của các dân tộc ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến đồng bào dân tộc ít người, sống ở miền núi, vùng sâu và vùng xa của đất nước. Bởi, theo Người so với đồng bào sống ở miền xuôi, vùng đồng bằng và đô thị, thì đời sống của đồng bào ở miền núi, xét trên mọi phương diện, còn thấp và gặp rất nhiều khó khăn. Thực tế cho thấy, miền núi và vùng sâu, vùng xa của đất nước ta, là nơi có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, trình độ sản xuất và văn hoá của nhân dân nơi đây còn rất thấp. Nơi ăn, chốn ở, trường học, cơ sở y tế và giao thông đi lại còn nhiều khó khăn và thiếu thốn. Bên cạnh đó, do trình độ dân trí thấp nên những thủ tục lạc hậu, mê tín, di đoạ còn rất nặng nề.*

Hơn nữa, khu vực miền núi nước ta – nơi làm ăn sinh sống chủ yếu của đồng bào các dân tộc ít người, là nơi giáp biên giới với số nước láng giềng, xa đồng bằng, địa bàn hiểm trở, dân cư thưa thớt, nhiều vùng vốn là căn cứ địa cách mạng quan trọng của cách mạng Việt Nam trước đây. Bởi vậy, quan tâm đến đồng bào dân tộc ít người vừa thể hiện tính nhân văn sâu sắc của Hồ Chí Minh trong chế độ mới, vừa có ý nghĩa kinh tế và quốc phòng to lớn đối với cả hiện tại và tương lai của đất nước.

Sự quan tâm, giúp đỡ đối với đồng bào các dân tộc ít người theo Hồ Chí Minh, là trách nhiệm của toàn Đảng và toàn dân, của tất cả các cấp, các ngành, từ Trung ương đến địa phương, bằng những việc làm cụ thể và thiết thực.

Thứ tư, *phải đoàn kết, thương yêu người Việt Nam sống ở nước ngoài và thân thiện với người nước ngoài sống ở Việt Nam.*

Vì nhiều lý do khác nhau, dẫn đến một thực tế của đời sống thế giới, là người dân của nước này đến cư trú và làm ăn sinh sống ở nước khác và ngược lại. Giải quyết thực trạng đó ở mỗi quốc gia, dân tộc và mỗi chính đảng, thậm chí với từng nhà lãnh đạo có những quan điểm và chủ trương chính sách khác nhau.

Đối với người Việt Nam sống xa Tổ quốc, Hồ Chí Minh chủ trương đoàn kết, thương yêu họ, kêu gọi họ hướng về quê hương đất nước, nơi quê cha, đất tổ của mình, vì tất cả bà con đều là “con Lạc cháu Hồng” của đất Việt. Đồng thời, Người cũng kêu gọi và

khuyến nhủ bà con phải giữ mối quan hệ thân thiện với nhân dân các nước và thực hiện tốt luật pháp của họ. Trong những năm chiến tranh và cách mạng, với lòng yêu nước, thương dân, Hồ Chí Minh đã thu phục được nhiều trí thức tài ba về nước phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, trong đó có người đã trở thành anh hùng của Việt Nam.

Đối với người nước ngoài sống ở Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn thể hiện thái độ ôn hoà và thân thiện với họ. Trong Lời tuyên bố với quốc dân sau khi đi Pháp về (23 tháng 10 năm 1946), Hồ Chí Minh nêu rõ:

“Người Pháp ở Pháp đối với ta rất thân thiện, thì người Việt ở Việt đối với người Pháp cũng nên thân thiện. Đối với quân đội Pháp ta phải lịch sự. Đối với kiều dân Pháp ta phải ôn hoà. Để tỏ cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh. Để cho số người Pháp ủng hộ ta càng thêm đông, sức ủng hộ càng thêm mạnh. Để cho những kẻ thù khiêu khích muốn chia rẽ, không có thể và không có cơ mà chia rẽ. Để cho công cuộc thống nhất và độc lập của chúng ta chóng thành công.”

Đối với người Hoa sống ở Việt Nam, Hồ Chí Minh cũng thể hiện quan điểm trước sau như một là đoàn kết, thân thiện và bảo vệ tài sản, tính mạng cũng như quyền làm ăn chính đáng của họ trên đất nước Việt Nam, như công dân Việt Nam. Theo Người, chẳng phải hôm qua hôm nay người Hoa kiều mới đến Đông Dương. Họ đã ở đây, họ đã luôn giữ một địa vị rất quan trọng trong đời sống kinh tế của Đông Dương. Nhưng chưa bao giờ lại có những cuộc xung đột giữa người Việt Nam với người Hoa trên đất nước Việt Nam.

Trong “Thư gửi anh em Hoa kiều” nhân ngày Độc lập 2 – 9 – 1945, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Hai dân tộc Trung - Việt chúng ta, mấy ngàn năm nay, huyết thống tương thông, chung nền văn hoá, trong lịch sử vẫn được gọi là hai nước anh em; hơn nữa, đất nước liền kề, núi sông kế tiếp, càng như môi với răng che chở cho nhau. Ngót trăm năm nay, đế quốc xâm lược Viễn Đông, giặc Pháp cưỡng chiếm nước ta, lấy đó làm bàn đạp xâm lược Trung Quốc. Hai dân tộc anh em phương Đông chúng ta lại chịu chung nỗi khổ cực bị áp bức và xâm lược.”

Xuất phát từ quan hệ đặc biệt giữa hai dân tộc và hai nước anh em, trong thư, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đến chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước ta đối với bà con Hoa Kiều đang làm ăn, sinh sống ở Việt Nam: “Chính phủ nhân dân lâm thời Việt Nam đã lập tức tuyên bố xoá bỏ mọi luật pháp của Pháp trước đây áp đặt lên Hoa kiều, xác định chính sách cơ bản là bảo đảm tự do, hoan nghênh Hoa kiều cùng nhân dân Việt Nam chung sức xây dựng nước Việt Nam mới.

Mong rằng anh em hai nước chúng ta thân mật đoàn kết, có việc gì thì giải quyết với nhau theo nguyên tắc hợp pháp lý với thái độ kính trọng nhường nhịn lẫn nhau, không được vì những việc tranh chấp nhỏ của cá nhân mà gây điều bất hạnh ngăn cách giữa hai dân tộc...”

Ngoài ra, đối với các dân tộc và quốc gia khác trên thế giới, quan điểm của Hồ Chí Minh là tôn trọng nền độc lập dân tộc, không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia, dân tộc khác, đồng thời thực hiện quyền bình đẳng giữa các quốc gia, dân tộc với nhau. Quan điểm đó của Người được khẳng định trong bản Tuyên ngôn Độc lập bất hủ, ngày 2 – 9 – 1945 rằng: “... tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”

Chẳng đường lịch sử hơn 70 năm qua kể từ ngày ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn trung thành với những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và những quan điểm tư tưởng của Hồ Chí Minh về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc đề ra

chính sách dân tộc đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Chính sách đó vừa phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam, vừa phù hợp với xu thế phát triển tiến bộ của nhân loại, nên nó đã được cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam đón nhận với niềm phấn khởi và đầy tin tưởng, cũng bởi lẽ đó mà cách mạng Việt Nam có được sức mạnh to lớn để hoàn thành thắng lợi sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao sức mạnh của nhân dân trong khối đại đoàn kết dân tộc, coi nhân dân là nguồn gốc của sức mạnh. Người khẳng định: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”.

Đầu thế kỷ 20 nước ta đang dưới chế độ tàn bạo của thực dân Pháp “hơn hai mươi triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa” Hồ Chí Minh chỉ ra: “Cách mệnh thì sống, không cách mệnh thì chết”, “Cách mệnh là việc chung của dân chúng chứ không phải việc một hai người”. Tập hợp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là nguyên nhân chính của mọi thắng lợi của cách mạng.

Khi nói về thắng lợi của cách mạng tháng Tám - Hồ Chí Minh nói, “Nhất là vì lực lượng của cuộc toàn dân đoàn kết. Tất cả các dân tộc, các giai cấp, các địa phương, các tôn giáo đều nổi dậy theo lá cờ Việt Minh để tranh lại quyền độc lập cho Tổ quốc”. Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết, không ai chiến thắng được lực lượng đó.

Khi nói về công việc “Kháng chiến kiến quốc” Người hỏi: Ai thực hiện “kháng chiến kiến quốc”? và trả lời: “Trong công cuộc kháng chiến kiến quốc, lực lượng chính là ở dân”.

Sức mạnh của dân tộc được tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất:

Về nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Pháp-Hồ Chí Minh viết: “Đoàn kết trong Mặt trận liên việt, nhân dân ta đã kháng chiến thắng lợi; lập lại hòa bình ở Đông Dương, giải phóng hoàn toàn Miền Bắc”. Năm 1955, Người viết: “...Với sự đoàn kết nhất trí của tất cả những người xứng đáng là con Lạc, cháu Hồng, Mặt trận nhất định sẽ thành công trong việc đánh tan âm mưu của Mỹ và bẻ gãy tay sai của chúng và thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập, dân tộc, dân chủ trong cả nước Việt Nam yêu quý của chúng ta”.

Trong thời đại mới, Hồ Chí Minh đặt sự đoàn kết toàn dân tộc trong mối quan hệ với đoàn kết quốc tế. Người đã đưa ra câu nói nổi tiếng: “**Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công**” ba từ “đoàn kết” đó là sự thể hiện: Đoàn kết trong Đảng, đoàn kết trong dân, đoàn kết quốc tế.

Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc:

Đoàn kết là sức mạnh đoàn kết là thành công:

Tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh là một hệ thống luận điểm, nguyên tắc, phương pháp và cách thức giáo dục, tổ chức, hướng dẫn, hành động của các lực lượng cách mạng. Nhằm phát huy đến mức cao nhất, sức mạnh dân tộc, sức mạnh quốc tế trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội tư tưởng đại đoàn kết - Hồ Chí Minh định hướng cho việc xây dựng và củng cố, mở rộng, tăng cường lực lượng cách mạng trong sự nghiệp đấu tranh nhằm giải phóng, dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Trong tác phẩm của mình Hồ Chí Minh có tới 405 bài nói về đoàn kết nổi bật là: “Đoàn kết là sức mạnh”, “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”, “Đoàn kết là sức mạnh,

Đoàn kết là thắng lợi”, “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”, “Đoàn kết” là điểm mệ “ Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt”.

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công”. Đặt trong một nước nghèo nàn, lạc hậu tư tưởng đoàn kết làm nên sức mạnh của người có ý nghĩa chiến lược, không chỉ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà cả trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc..

Đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng:

- Đại đoàn kết dân tộc phải được quá triệt trong mọi đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ngày 03/03/1951, trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng lao động Việt Nam, Hồ Chí Minh thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc: “Mục đích của Đảng lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: “ Đoàn kết toàn dân phụng sự tổ quốc”. Đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của giai đoạn cách mạng.

Ngày 31/8/1963 nói chuyện với cán bộ tuyên huấn miền núi về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trước cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm sao làm cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc: một là đoàn kết, hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập, chỉ đơn giản thế thôi”. Bây giờ mục đích tuyên truyền huấn luyện là: “Một là đoàn kết, hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội; ba là đấu tranh thống nhất nước nhà”, đại đoàn kết dân tộc còn làm mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc.

Như vậy: Đại đoàn kết dân tộc chính là đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng, là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp hướng dẫn chuyển những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng đòi hỏi tự giác thành hiện thực, có tổ chức, thành sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, tự do hạnh phúc của nhân dân.

Đối tượng đoàn kết dân tộc đó là toàn dân:

Khái niệm dân, nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh có nội hàm rất rộng, vừa là tập hợp đông đảo, quần chúng, vừa là mỗi con người Việt Nam cụ thể cả hai đều là chủ thể của đại đoàn kết dân tộc. Đó là: “mỗi công dân Việt Nam”, “mỗi một người con rồng cháu tiên” không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng “già, trẻ, gái, trai, giàu, nghèo, quý, tiện”.

Đoàn kết dân tộc là tập hợp được mọi người dân vào cuộc đấu tranh chung Hồ Chí Minh nhiều lần nêu rõ: “Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ Quốc; ta còn phải đoàn kết xây dựng nước nhà, ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”.

- Muốn đại đoàn kết toàn dân thì phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc phải có tấm lòng khoan dung, đại độ với con người.

Hồ Chí Minh tha thiết kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước, không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đứng về phe nào; chúng ta phải thật thà cộng tác vì dân, vì nước. Người căn dặn: Cần xóa bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau giúp đỡ nhau cùng tiến bộ để phục vụ nhân dân.

Đại đoàn kết dân tộc dựa trên nền tảng của khối liên minh công nông.

Hồ Chí Minh viết “ Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông cho nên liên minh công nông là nền tảng của mặt trận dân tộc thống nhất”. Sau này, Hồ Chí Minh nêu rõ: nền tảng đại đoàn kết dân tộc là liên minh - công nông - lao động trí óc.

Đại đoàn kết trong mặt trận dân tộc thống nhất:

Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng theo những nguyên tắc:

Trên nền tảng liên minh - công nông (sau thêm lao động trí óc) dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương, dân chủ lấy việc thống nhất lợi ích của tầng lớp nhân dân làm cơ sở để củng cố và không ngừng mở rộng.

+ Đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thực sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Phương châm đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp khác nhau của Hồ Chí Minh là: “Cầu đồng tồn dị”...

Tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh là đoàn kết bao gồm: đấu tranh, đấu tranh để đoàn kết tốt hơn. Người viết “ Đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí, đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân”.

Trong quá trình xây dựng củng cố và phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng ta luôn luôn đấu tranh trên 2 mặt trận chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi coi nhẹ việc tranh thủ, tất cả những lực lượng có thể tranh thủ được đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều, đoàn kết mà không đấu tranh đúng mức trong nội bộ mặt trận.

Đảng Cộng Sản vừa là thành viên của mặt trận dân tộc thống nhất, vừa là lực lượng lãnh đạo mặt trận, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng vững chắc:

Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng Cộng sản Việt nam vừa là giai cấp công nhân, vừa là của nhân dân lao động, vừa của cả dân tộc, vì vậy: đại đoàn kết dân tộc ... thành máu thịt của Đảng.

Muốn qui tụ được cả dân tộc Đảng Cộng sản Việt Nam phải “ vừa là đạo đức, vừa là văn minh, Đảng Cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự lương tâm của dân tộc và thời đại”, “Đảng phải thật sự đoàn kết nhất trí”: được nhân dân đón nhận. Người viết “ Đảng không thể đòi hỏi mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thành nhất chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng thì Đảng mới giành được vị trí lãnh đạo”.

Đảng lãnh đạo mặt trận trước hết bằng việc xác định chính sách mặt trận đúng đắn phù hợp với từng giai đoạn, thời kỳ cách mạng.

Đảng lãnh đạo mặt trận thật sự theo nguyên tắc. Mặt trận hiệp thương dân chủ, phải dùng phương pháp vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương lấy lòng chân thành để đối xử, cảm hóa, khơi gợi, tinh thần tự giác, tự nguyện. Người viết: “ phải thành thực lắng nghe ý kiến của người ngoài Đảng, cán bộ và Đảng viên không được tự cao, tự đại cho mình là tài giỏi hơn mọi người; Trái lại phải học hỏi điều hay, điều tốt của mọi người cán bộ Đảng viên có quyết tâm làm như thế thì công tác mặt trận nhất định sẽ tiến triển”

Đại Đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế:

Hồ Chí Minh khẳng định: Yêu nước chân chính phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân. Khi chuẩn bị thành lập Đảng Hồ Chí Minh xác định “ phải có Đảng cách mệnh để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi”.

Hồ Chí Minh luôn luôn khẳng định: “Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới”, “Cách mạng Việt Nam chỉ giành được thắng lợi khi đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới” Người là hình mẫu của hoạt động không mệt mỏi vì sự đoàn kết của giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản và các dân tộc trên thế giới.

Hồ Chí Minh - lãnh tụ thiên tài của nhân dân Việt Nam, nhà văn hoá lớn của thế giới. Người không chỉ truyền bá, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, đưa Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, mà Người còn phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin lên một tầm cao mới.

1. Khi phân tích những mâu thuẫn của CNTB, C.Mác và Ph. Ăngghen đã tiên đoán khả năng cách mạng nổ ra trước tiên ở các nước tư bản phát triển nhất, nơi những tiền đề vật chất của CNXH đã đạt đến độ chín muồi nhất định. Mới đầu các ông cho rằng cách mạng sẽ nổ ra ở Anh, Pháp, sau đó là Đức. Theo các ông, giữa xã hội tư bản và xã hội cộng sản là một thời kỳ cải tiến cách mạng từ xã hội nô sang xã hội kia, thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị và Nhà nước của thời kỳ ấy là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản. Nhưng đến năm 1877, hai ông lại cho rằng cách mạng sẽ nổ ra ở phương Đông mà Nga là nước tiên phong. C.Mác tán thành ý kiến của Sécusepxki cho rằng nước Nga có thể không cần phải trải qua những đau khổ của chế độ tư bản mà vẫn chiếm đoạt được mọi thành quả của chế độ ấy. Như vậy, về cơ bản, lý luận của hai ông đều cho rằng các nước tư bản phát triển có thể đồng loạt tiến lên XHCN. Tuy nhiên, các ông cũng dự báo khả năng phát triển rút ngắn như nước Nga.

Thời C.Mác và Ph. Ăngghen, hệ thống thuộc địa của CNTB đã được mở rộng, nhưng cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc chưa phát triển mạnh, bởi vậy, theo các ông, vận mệnh loài người, tương lai của cách mạng giải phóng dân tộc vẫn phần lớn phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển.

Sang thời Lênin, khi phân tích CNTB ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, ông cho rằng CNXH có thể thắng lợi thậm chí trong một nước tư bản tách riêng (một mắt xích trong sợi dây truyền), và ông nêu ra tư tưởng trong những điều kiện lịch sử nhất định, những nước lạc hậu có thể phát triển rút ngắn, bỏ qua, không phải trải qua giai đoạn phát triển TBCN. Những điều kiện đó là gì?

a) Phương thức sản xuất bị bỏ qua đã tỏ ra lỗi thời về mặt lịch sử.

b) Có sự giúp đỡ của giai cấp công nhân đã giành được thắng lợi ở nước tư bản phát triển hơn.

c) Có đội tiên phong chính trị của giai cấp công nhân với đầy đủ kinh nghiệm và quyết tâm cùng toàn dân làm cuộc cách mạng giành được chính quyền về tay mình.

Thời Lênin, cách mạng giải phóng dân tộc đã trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản, nên ông cho rằng cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở chính quốc cần phải liên minh với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức ở các thuộc địa. Bởi vậy, thay thế cho khẩu hiệu thời C.Mác "Vô sản tất cả các nước liên hợp lại", ông đưa ra khẩu hiệu: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”.

Hồ Chí Minh trên góc độ của người thuộc địa, góc độ của các dân tộc bị áp bức đã phê phán một cách có căn cứ và hết sức sâu sắc chủ nghĩa đế quốc và đã chỉ ra rằng sức sống của chủ nghĩa đế quốc một phần quan trọng nằm ở thuộc địa. Người nói: "Hiện nay nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các nước thuộc địa hơn là ở chính quốc". Đây là điều quan trọng mà Hồ Chí Minh bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin. Từ đó, Người viết: "CNTB là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt sẽ lại mọc ra". Tư tưởng này là sự cụ thể hoá và chứng minh cho quan điểm của Lenin về sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản của các nước thuộc địa và các dân tộc bị áp bức để tiêu diệt CNTB - con đĩa có hai vòi. Người cho rằng cách mạng vô sản ở các nước tư bản và cách mạng giải phóng dân tộc như đôi cánh của một con chim. Từ đó Người đi đến kết luận: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài cách mạng vô sản", và Người đã gắn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân với cách mạng vô sản, gắn giải phóng dân tộc với CNXH, mang lại sự giải phóng triệt để cho con người Việt Nam.

2. Chủ nghĩa Mác-Lênin đề cao vấn đề giai cấp, còn ở Hồ Chí Minh, vấn đề giai cấp gắn bó mật thiết với vấn đề dân tộc, không có giai cấp chung chung đứng ngoài dân tộc, hai cái đó liên hệ với nhau một cách uyển chuyển và biện chứng. Trong hoàn cảnh mất nước thì quyền lợi dân tộc được đặt lên trên quyền lợi giai cấp, vì có giải phóng dân tộc mới giải phóng được giai cấp, giải phóng dân tộc đã bao hàm một phần giải phóng giai cấp, tạo tiền đề, điều kiện thuận lợi để giải phóng giai cấp. Theo Người, nếu không giải quyết được vấn đề giải phóng dân tộc, không đòi được tự do cho dân tộc thì chẳng những quốc gia dân tộc còn chịu mại kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không lại được. Không nên thấy người ta làm thế nào mình cũng làm như thế, người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh. Ngoài ra, trên cơ sở phân tích xã hội phương Đông, Người còn cho rằng đấu tranh giai cấp ở các nước phương Đông không quyết liệt như ở phương Tây, còn ở Việt Nam, chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của lịch sử. Bởi vậy, theo Người, "cần phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế cộng sản, đó là một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời, vì người ta sẽ không thể làm gì được cho người An nam nếu không dựa trên động lực vĩ đại và duy nhất của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của ta thắng lợi, phần lớn thế giới sẽ Xô viết hoá và lúc đó chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế, còn sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới". Như vậy, ở Hồ Chí Minh, dân tộc và giai cấp liên hệ mật thiết với nhau, không tách rời nhau, có điều ở mỗi thời điểm lịch sử cụ thể thì cái nào nổi trội hơn nhằm đạt đến mục tiêu chiến lược và sách lược cụ thể. Thực tiễn cách mạng 75 năm qua đã chứng minh cho sự đúng đắn của quan điểm này.

3. Nếu như C. Mác tán thành quan điểm của Sécnusépxki cho rằng nước Nga có thể bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, thì Lenin cho rằng: "So với những nước tiên tiến, thì đối với nước Nga, bắt đầu cuộc đại cách mạng vô sản là một điều dễ dàng hơn, nhưng tiếp tục cuộc cách mạng đó đến thắng lợi cuối cùng... lại là một điều khó khăn hơn". Như vậy, theo Lenin, so với những nước tư bản tiên tiến, Nga làm cách mạng vô sản dễ hơn nhưng để đi đến thắng lợi cuối cùng thì lại khó khăn hơn. Khó đến mức mà hiện nay nước Nga xã hội chủ nghĩa là không còn nữa. Nghiên cứu tình hình cụ thể các nước phương Đông, Hồ Chí Minh cho rằng với những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào Châu Á, dễ dàng hơn là ở Châu Âu". Như vậy, theo Bác, chủ nghĩa cộng

sản thâm nhập vào Châu Á dễ dàng hơn Châu Âu. Điều này hoàn toàn có căn cứ, có cơ sở khoa học.

Như chúng ta đã biết, điểm khác biệt giữa Á với Âu, Đông và Tây là ở chỗ ảnh hưởng của cái gọi là phương thức sản xuất Châu Á lâu dài, dai dẳng, đã tạo nên một đặc điểm đặc trưng của phương Đông là việc không có sở hữu tư nhân về ruộng đất, cái mà C.Mác gọi là cơ sở, còn Ph.Ăngghen gọi là chiếc chìa khoá để hiểu toàn bộ phương Đông. Trong Kinh Thư có ghi: "Phổ thiên chi hạ mạc phi vương thổ, suất hải chi tân mạc phi vương thần" nghĩa là đất đai dưới trời đâu chẳng là của vua, người trên đất đai ấy ai chẳng phải là thần dân của vua. GS. Trần Đình Hượu cho rằng cùng với chế độ "lãnh hữu" chứ không phải "sở hữu" và ruộng đất các nước phương Đông để tiến lên CNXH, hơn CNTB.

Nhưng để tiến lên CNXH và xây dựng thành công CNXH là hai việc khác nhau. Cái thứ nhất suy cho cùng nghiêng về tiền đề, cái thứ hai mới là mục đích HỒ Chí Minh cho rằng thắng đế quốc và phong kiến là tương đối dễ, thắng bần cùng và lạc hậu còn khó hơn nhiều, rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng vĩ đại, vẻ vang nhất nhưng là cuộc cách mạng gay go nhất, phức tạp, khó khăn nhất, là cuộc chiến khổng lồ chống lại những gì cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Qua thực tiễn xây dựng CNXH ở nước ta trong những năm qua, chúng ta càng thấm thía tư tưởng của Người.

4.Chủ nghĩa Mác - Lênin qua lăng kính của Người trở thành một cái gì đó cực kỳ dễ hiểu, giản dị, dung dị, gần gũi đối với tất cả mọi người. Chẳng hạn, quan hệ giữa cán bộ, Đảng, Nhà nước và nhân dân được người mô tả bằng hình ảnh vô cùng quen thuộc: dân là nước, cán bộ là cá, Nhà nước, cách mạng là thuyền, đường lối là la bàn, Đảng như người cầm lái (hay trí tuệ con người cầm lái). Như chúng ta thấy, cá tách khỏi nước sẽ chết. Nước có thể chở thuyền nhưng cũng có thể lật thuyền. Thuyền không có la bàn không biết đi đâu. Thuyền không có người cầm lái thì không chuyển động. Như vậy, thật vô cùng dễ hiểu, không có dân là không có tất cả, dân là gốc, là cơ sở, nước ấy dân làm gốc.

Gốc có vững cây mới bền

Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân

Từ đó Người đưa ra tư tưởng dân là chủ, Chính phủ là đầy tớ của dân và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Người cho rằng thực hiện dân chủ là chìa khoá vạn năng có thể giải quyết được mọi khó khăn. Hay một hình ảnh nữa, đoàn kết hay không đoàn kết, được Người ví như một bó đũa và một chiếc đũa đơn lẻ. Từ đó Người cho rằng đoàn kết tạo nên sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi, là thành công.

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công đại thành công

Bởi vậy, chủ nghĩa Mác- Lênin trở nên gần gũi với những người dân lao động bình thường. Bác giải thích thế nào là chủ nghĩa Mác -Lênin, tsách vở mà sống không có tình, có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin được, hay hết lòng, hết sức phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc, đó là chủ nghĩa Mác-Lênin. Bác cho rằng muốn giữ gìn sự trong sáng của chủ nghĩa Mác –Lênin thì trước hết tự mình phải trong sáng.

5.Chủ nghĩa Mác-Lênin có bàn đến đạo đức giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Mặc dù đã vạch ra được những nguyên lý nền tảng của đạo đức nhưng vẫn còn khá chung chung, chưa thật cụ thể.

Giống như C.Mác phê phán Hêghen, Người cho rằng đạo đức cũ như người đầu ngựa xuống đất, chân chống lên trời. Đạo đức không phải từ trên trời rơi xuống, nó do

đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển. Đạo đức là nền tảng của người cách mạng, nó giống như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Hồ Chí Minh đã nhìn ra đạo đức có thể nhân gấp 10 lần sức mạnh con người, đã nhìn ra ở phương Đông một tấm gương có giá trị gấp trăm bài diễn thuyết, bởi vậy, Người chú trọng vấn đề đạo đức, đặc biệt xây dựng mẫu người toàn diện cả đức lẫn tài, cả tâm hồn lẫn trí tuệ và sức khỏe, phải trung với nước, hiếu với dân, phải thương yêu con người, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, phải có tinh thần quốc tế trong sáng. Đối với Người, nói là phải đi đôi với với làm, phải làm gương "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau" xây đi đôi với chống và phải tu dưỡng đạo đức suốt đời giống như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.

6.Trên cơ sở phân tích tình hình xã hội phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, Người cho rằng cuộc đấu tranh giai cấp ở đây không diễn ra giống như ở phương Tây. Vậy không giống ở điểm nào? Người cho rằng về phía Việt Nam người lao động, đó là sự không giác ngộ, sự nhẫn nhục và vô tổ chức, còn về phía bọn chủ thì không có máy móc, ruộng đồng thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung, hạng nhỏ và những kẻ ở đó được coi là đại địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùn tên với họ ở Châu Âu và Châu Mỹ, không có tỷ phú người An Nam. Những tên trọc phú ở đó thì ở đây chỉ là những kẻ thực lợi khá giả thôi. Cho nên, nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa, nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc, người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có Tơ-ól. Người thì nhẫn nhịn chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình, sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó không thể chối cãi được. Từ đó Người kết luận: "Xã hội Đông Dương, Ấn Độ hay Trung Quốc về mặt cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây".

Từ phân tích về giai cấp xã hội các nước phương Đông và Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đi gần đến cái mà C.Mác gọi là phương thức sản xuất Châu Á vốn coi trọng là tính tự trị độc lập, biệt lập của công xã. Cái đặc trưng này theo Người dẫn đến sự thiếu tin cậy lẫn nhau, từ đó là nguyên nhân gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông. Người viết: "Nguyên nhân đầu tiên đã gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là sự biệt lập. Họ hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi nhất của họ, do đó họ thiếu sự tin cậy lẫn nhau, sự phối hợp hành động và sự cổ vũ lẫn nhau.

Với tính cách đặc thù đó, Người đã đặt ra một vấn đề hoàn toàn chính xác khi cho rằng C.Mác cho ta biết sự tiến triển của các xã hội trải qua ba giai đoạn: "Chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ tư bản, và trong mỗi giai đoạn ấy, đấu tranh giai cấp có khác nhau. Chúng ta phải coi chừng! Các dân tộc Viễn Đông có trải qua hai giai đoạn đầu không?". Bởi lẽ, ở phương Đông do ảnh hưởng của cái gọi là phương thức sản xuất Châu Á kéo dài dai dẳng từ sau khi tan rã của công xã nguyên thủy cho đến tận những năm đầu của thế kỷ XIX, nên xã hội ở phương Đông và Việt Nam không thật điển hình như ở phương Tây (nếu theo hệ quy chiếu phương Tây). Một số học giả khác lại cho rằng Việt Nam, Mông Cổ và cả Nga không trải qua chế độ nô lệ, thậm chí có người còn cho rằng Việt Nam không có chế độ phong kiến. Từ đó Hồ Chí Minh cho rằng tùy hoàn cảnh mà các dân tộc phát triển theo con đường khác nhau "Ta không giống Liên Xô... ta có thể đi con đường khác để tiến lên CNXH". Hồ Chí Minh cho rằng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà C.Mác ở thời mình không có được. Người cho rằng "xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân

tộc học phương Đông, đó chính là nhiệm vụ của các Xô viết”. Tại sao lại như vậy? Theo người: “C.Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử Châu Âu. Mà Châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”. Qua đây ta đã thấy Người đã phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện cụ thể của các nước phương Đông và Việt Nam như thế nào. Điều này hoàn toàn xa lạ với cái gọi là khuynh hướng xét lại chủ nghĩa Mác.

Ngày nay trong công cuộc CNH-HĐH, thiết nghĩ những người giảng dạy và nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin học tập tinh thần phát triển sáng tạo ở Người để góp phần nhanh chóng đưa nước ta đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội bao gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Nội dung cơ bản về con đường giải phóng dân tộc:

1.Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản, phải thực hiện kết hợp cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

2.Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Trước hết phải có Đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mạng mới thành công... Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt... Chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lenin”.

3.Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

4.Cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng bạo lực, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang của nhân dân. Tóm lại, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Lenin về cách mạng thuộc địa thành một hệ thống luận điểm mới, sáng tạo bao gồm chiến lược, sách lược và phương pháp tiến hành.

Nội dung cơ bản về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam:

1.Muốn đi lên CNXH chúng ta phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài. CNXH không thể làm mau được mà phải làm dần dần. Bác luôn căn dặn cán bộ ta phải chống giáo điều, rập khuôn theo cách làm của nước ngoài, phải tìm con đường riêng của mình, xuất phát từ tình hình và đặc điểm của nước ta.

2.Về động lực, bước đi và cách thực hiện CNXH ở Việt Nam, Người chỉ rõ cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, tất cả đều phải của dân, do dân, vì dân; coi trọng nhân tố con người, coi con người là yếu tố quyết định. Người rất chú trọng giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, thanh niên đồng thời cũng khuyến khích sử dụng các đòn bẩy như khoán, thưởng, phạt... trong kinh tế.

3.Bác chủ trương từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, coi trọng phát triển cả công nghiệp và nông nghiệp, văn hóa, khoa học kỹ thuật tiên tiến, trong đó coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Về văn hóa phải xây dựng nền văn hóa tiên tiến với nội dung XHCN và tính dân tộc. Bác đặt ra yêu cầu sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm và tích cực chống tham ô, lãng phí, quan liêu, coi đó là “giặc nội xâm” đồng minh với giặc ngoại xâm.

4. Người đặc biệt quan tâm xây dựng Đảng và đảm bảo sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đồng thời với tăng cường vai trò của Nhà nước, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tăng cường pháp chế, xây dựng xã hội có kỷ cương, trật tự, nhân ái, đạo đức, đoàn kết giai cấp, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Câu 2:

Phân tích những luận điểm cơ bản của HCM về cách mạng giải phóng dân tộc ?

Trả lời:

Tư tưởng Hồ Chí Minh vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh được mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Xóa bỏ ách áp bức dân tộc mà không xóa bỏ tình trạng bóc lột và áp bức giai cấp thì nhân dân lao động vẫn chưa được giải phóng. Chỉ có xóa bỏ tận gốc tình trạng áp bức, bóc lột, chỉ có thiết lập một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân mới đảm bảo cho người lao động có quyền làm chủ, mới thực hiện được sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và xã hội, giữa độc lập với hạnh phúc tự do của con người. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc được thể hiện qua năm nội dung cơ bản sau :

1. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

Thất bại của các phong trào yêu nước chống thực dân pháp ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX chứng tỏ rằng những con đường giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ tư tưởng phong kiến hoặc tư sản là không đáp ứng được yêu cầu khách quan, giành độc lập và tự do cho dân tộc bởi lịch sử đặt ra.

Tháng 7/1920 khi đọc sơ khảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin người đã tìm thấy trong lý luận của Lênin một con đường cứu nước mới – con đường cách mạng vô sản. Người khẳng định : “Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng”.

Đầu năm 1923, trong truyền đơn cổ động mua báo người cùng khổ, người viết : “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và là nguồn gốc của sự tự do, bình đẳng bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc...”

Con đường cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh bao hàm những nội dung chủ yếu sau :

- Tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và dẫn đi tới xã hội cộng sản.
- Lực lượng lãnh đạo là giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản.
- Lực lượng cách mạng là khối đại đoàn kết toàn dân, nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và lao động trí óc.
- Sự nghiệp cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, cho nên phải đoàn kết quốc tế.

2. Cách mạng trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo, các nhà yêu nước Việt Nam đã ý thức được vai trò của tổ chức cách mạng. Phan Châu Trinh cho rằng : “Ngày

nay muốn độc lập tự do phải có đoàn thể”. Phan Bội Châu đã tổ chức ra Duy Tân hội và Việt Nam Quang Phục hội.

Dù đã thành lập hay chưa thì các tổ chức cách mạng kiểu cũ đã không đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thành công.

Hồ Chí Minh khẳng định: muốn giải phóng dân tộc thành công trước hết phải có đảng cách mệnh. Đầu năm 1930, người sáng lập đảng Cộng Sản Việt Nam, một chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh và có liên hệ mật thiết với quần chúng.

3. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc “ là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”. Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của nhân dân trong khởi nghĩa vũ trang. Người coi sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo của quần chúng là then chốt bảo đảm thắng lợi. trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Người phê phán việc lấy ám sát cá nhân và bạo động non la phương thức hành động. Người khẳng định “ Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống nổi”.

Xuất phát từ tương quan lực lượng lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, Hồ Chí Minh không chủ trương tiến hành kiểu chiến tranh thông thường, chỉ dựa vào lực lượng quân đội và tiến hành một số trận quyết tử với kẻ thù mà chủ trương phát động chiến tranh nhân dân.

Kháng chiến toàn dân gắn với kháng chiến toàn diện. Lực lượng toàn dân là điều kiện để đấu tranh toàn diện với kẻ thù, giải phóng dân tộc.

Trong chiến tranh, quân sự là việc chủ chốt, nhưng đồng thời phải kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị. Theo người, thắng lợi quân sự đem lại thắng lợi chính trị, thắng lợi chính trị sẽ làm cho thắng lợi quân sự to lớn hơn.

Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế của ta. Người kêu gọi hậu phương thi đua với tiền phương, coi ruộng rẫy là chiến trường cày cấy là vũ khí nhà nông là chiến sĩ.

4.Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

5.Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

a) Bạo lực cách mạng trong cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam

Các thế lực đế quốc sử dụng bạo lực để xâm lược và thống trị thuộc địa đàn áp các phong trào yêu nước. Chế độ thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu. Chưa đề bệ ý trí xâm lược của chúng thì chưa thể có thắng lợi hoàn toàn đánh giá đúng bản chất cực kỳ phản động của đế quốc và tay sai, Hồ Chí Minh cho rằng: “ Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”

b) Phương châm đánh lâu dài trong cách mạng giải phóng dân tộc trước kẻ thù lớn mạnh Hồ Chí Minh chủ trương sử dụng chiến lược đánh lâu dài. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người nói: “ Địch muốn tốc chiến tốc thắng. Ta lấy trường kỳ kháng chiến trị nó, thì địch nhất định thua ta nhất định thắng. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Người khẳng định : Chiến tranh có thể kéo dài năm năm, mười năm, hai mươi năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, xong nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn to đẹp hơn

Câu 3:

Bằng lý luận và thực tiễn hãy chứng minh rằng luận điểm cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc là một sáng tạo của HCM?

Trả lời:

Trong phong trào cộng sản quốc tế đã từng tồn tại quan điểm xem thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. Đề cương về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa được thông qua tại Đại hội VI của quốc tế cộng sản (1/9/1928) cho rằng chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến. Quan điểm này, vô hình chung đã làm giảm tính chủ động, sáng tạo của phong trào cách mạng ở thuộc địa.

Theo Hồ Chí Minh, giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Đó là mối quan hệ bình đẳng chứ không phải quan hệ lệ thuộc, hoặc quan hệ chính phụ. Năm 1925, Hồ Chí Minh viết “ chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám lấy giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám lấy giai cấp vô sản ở các nước thuộc địa. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị đứt sẽ lại mọc ra”.

Nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn. Theo Hồ Chí Minh, khối liên minh các dân tộc thuộc địa là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản. Phát biểu tại đại hội V của quốc tế cộng sản tháng 6 năm 1924, người khẳng định vai trò, vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa. Vận dụng công thức của Các Mác: sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân, người đưa ra luận điểm “ Công cuộc giải phóng anh em (tức nhân dân thuộc địa thế giới) chỉ có thể thực hiện bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”.

Do nhận thức được vai trò vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa, đánh giá đúng sức mạnh dân tộc, năm 1924, Nguyễn Ái Quốc cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Người viết “ Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân Châu Á bị tàn phá và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột của một bọn dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”.

Trong tác phẩm đường Kách mệnh, Hồ chí minh có sự phân biệt về nhiệm vụ của cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc, Người cho rằng: Hai thứ cách mạng đó tuy khác nhau nhưng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Người nêu ví dụ: “An Nam dân tộc cách mạng thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. và nếu công nông Pháp làm cách mạng thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do”

Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn; Một cống hiến rất quan trọng của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác Lê Nin, đã được thăng lợi phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới trong gần một thế kỷ qua chứng minh là hoàn toàn đúng đắn

Câu 4:

Làm rõ tính tất yếu khách quan hợp quy luật của con đường đi lên CNXH của Việt Nam theo tư tưởng HCM?

Trả lời:

Tổng kết thực tiễn hơn 60 năm phát triển của cách mạng nước ta (1930-1991), Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta đã rút ra những bài học lớn, trong đó bài học đầu tiên là: **Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.**

Tổng kết 15 năm đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã rút ra bốn bài học chủ yếu, trong đó bài học thứ nhất là: Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới, Đảng và nhân dân ta càng quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Như vậy, **nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội** là bài học kinh nghiệm xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta từ khi có Đảng, là nguồn gốc thăng lợi của cách mạng Việt Nam. Thực tiễn lịch sử Việt Nam trong hơn 70 năm qua đã khẳng định điều đó.

Tuy nhiên, sự biến động phức tạp của tình hình quốc tế, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu và những thách thức, khó khăn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đã và đang tác động đến tư tưởng, tình cảm của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, ảnh hưởng tới công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta.

Vì sao độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là sự lựa chọn đúng đắn con đường phát triển của đất nước ta?

Trả lời:

Vào những năm đầu của thế kỷ XX, nước ta đứng trước cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước và giải phóng dân tộc. Chính trong điều kiện đó, Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước. Sau khi bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, Người tìm thấy cơ sở lý luận chắc chắn cho con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Đó là con đường cách mạng vô sản. Bác Hồ khẳng định: Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức: "Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thăng lợi hoàn toàn". "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". Tư tưởng đó đã được Đảng ta khẳng định, được cả dân tộc hưởng ứng và đi theo. Đó là sự lựa chọn của lịch sử Việt Nam, của toàn dân tộc Việt Nam.

Sự lựa chọn này dựa trên cơ sở:

Chỉ có chủ nghĩa xã hội - chủ nghĩa cộng sản mới triệt để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người khỏi ách áp bức bóc lột, đem lại

cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, đem lại vị trí làm chủ chân chính cho người lao động. Chủ nghĩa xã hội xóa bỏ triệt để chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, là nguồn gốc sinh ra tình trạng người bóc lột người, xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, cơ sở kinh tế đảm bảo cho nhân dân lao động thoát khỏi đói nghèo, hướng tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tạo điều kiện giải phóng và phát triển con người toàn diện. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Tính tất yếu của thời đại mới đã tạo khả năng và điều kiện để các dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội, đem lại những nhận thức mới trong quan niệm và giải pháp giải quyết vấn đề giải phóng dân tộc một cách triệt để.

Sức mạnh và thành tựu của chủ nghĩa xã hội, tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa đã thức tỉnh nhân loại, tạo khả năng đoàn kết các dân tộc để giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hủy diệt, buộc chủ nghĩa tư bản phải điều chỉnh chính sách có lợi cho người lao động; tạo khả năng hiện thực cho các nước lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Trong hơn 7 thập kỷ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt thành tựu quan trọng: Sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất với quy mô và trình độ hiện đại, đảm bảo ngày càng tốt hơn về vật chất và tinh thần của nhân dân. Từ một nước Nga nghèo nàn và lạc hậu, sau một thời gian xây dựng đã trở thành một cường quốc của thế giới, đạt được bước tiến lớn trong nghiên cứu khoa học, chinh phục vũ trụ, có tiềm lực quân sự và quốc phòng hùng mạnh... tạo điều kiện cho phong trào giải phóng dân tộc phát triển. Hàng trăm nước đã giành được độc lập dân tộc góp phần quyết định vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới và hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong hơn 70 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng đã khẳng định tính đúng đắn của sự lựa chọn đó.

Nhưng lịch sử loài người đã không đi theo con đường thẳng tắp và phong trào cách mạng cũng không tránh khỏi sai lầm, khuyết điểm, thậm chí có những thất bại hoặc thoái trào. Nhưng quan trọng hơn là từ trong sai lầm, khuyết điểm đó, tìm ra những nguyên nhân, rút kinh nghiệm để đưa phong trào cách mạng tiến lên. Đó mới là một thái độ nghiêm túc, đúng mực.

Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ do nhiều nguyên nhân mà nguyên nhân trực tiếp là Đảng Cộng sản phạm những sai lầm nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức bắt đầu từ sự phản bội của người lãnh đạo chủ chốt; chủ nghĩa đế quốc can thiệp vừa tinh vi, vừa trắng trợn, thực hiện "diễn biến hòa bình" ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Sự đổ vỡ đó không có nghĩa là sự sụp đổ của học thuyết về chủ nghĩa xã hội, không phải là sự sụp đổ của phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới, bởi vì hiện nay một số nước xã hội chủ nghĩa vẫn đang tiếp tục đứng vững và phát triển. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã chỉ rõ: "Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co, song loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là qui luật tiến hóa của lịch sử".

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, bên cạnh những thành tựu, chúng ta cũng còn có khuyết điểm, yếu kém, những vấp vấp sai lầm.

Đảng ta đã sớm nhận thức ra những thiếu sót, khuyết điểm và tự nhận khuyết điểm trước nhân dân, đã sửa chữa và sửa chữa có kết quả, đem lại lòng tin của nhân dân với Đảng. Đảng đã khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện vì chủ nghĩa xã hội, với quyết tâm và trí tuệ của toàn Đảng, sự tham gia tích cực của nhân dân, công cuộc đổi mới ở nước ta trong hơn 17 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa quan trọng, khẳng định đường lối đổi mới là đúng đắn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng khẳng định: "Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội".

Xét trên cơ sở lý luận và thực tiễn, cả tình hình trong nước và kinh nghiệm quốc tế, muốn thay đổi căn bản cuộc sống của người lao động từ kiếp nô lệ làm thuê trở thành người làm chủ, không có con đường nào khác ngoài con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Mọi con đường khác đều không được nhân dân ta chấp nhận. Vì vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta cần kiên định vững vàng với mục tiêu, lý tưởng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội mà chúng ta xây dựng là một xã hội như thế nào?

Trả lời:

Việc hình thành những quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội là công việc rất khó khăn. Mô hình xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa chưa có trong thực tiễn lịch sử, càng chưa có khi chúng ta xây dựng một nước có nền kinh tế chưa phát triển như nước ta. Đây là một vấn đề rất mới mẻ. Bác Hồ của chúng ta đã chỉ rõ: "Chủ nghĩa xã hội là gì? Là mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng và tự do. Nhưng nếu tách riêng một mình mà ngồi ăn no, mặc ấm, người khác thì mặc kệ, thế là không tốt... Chủ nghĩa xã hội là làm cho dân giàu, nước mạnh... Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con. Thế ta đã đến đấy chưa? Chưa đến, chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần" chủ nghĩa xã hội là "một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động, ai làm nhiều hưởng nhiều, ai làm ít hưởng ít, không làm không hưởng...".

Tóm lại, "xã hội ngày càng tiến lên, vật chất càng tăng, tinh thần càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội".

Từ những tư tưởng lớn của Bác Hồ, trải qua nhiều năm nghiên cứu, tìm tòi với trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, Cương lĩnh của Đảng ta chỉ rõ xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là một xã hội:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Sáu đặc trưng nêu trên thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta sẽ xây dựng, một xã hội tiến bộ nhất so với các chế độ xã hội đã xuất hiện trước đây. Trong xã hội đó, nhân dân lao động là người chủ chân chính và thực sự của xã hội. Nó chi phối và thể hiện trong toàn bộ thể chế của xã hội, đều hướng vào việc đảm bảo và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đó là sự khác nhau về chất giữa chủ nghĩa xã hội với các chế độ xã hội trước đó. Chủ nghĩa xã hội mà chúng ta xây dựng phải có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu và lực lượng sản xuất hiện đại, là cơ sở kinh tế để xóa bỏ nguồn gốc của chế độ người bóc lột người, con người được giải phóng có điều kiện phát triển toàn diện, tạo ra sự bình đẳng trong xã hội và đoàn kết giữa các dân tộc, có quan hệ hữu nghị hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Chủ nghĩa xã hội mà chúng ta xây dựng không chỉ có nền kinh tế phát triển cao mà còn phải xây dựng một nền văn hóa tương ứng, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Điều đó đảm bảo sự phát triển hài hòa, lành mạnh của chủ nghĩa xã hội.

Những đặc trưng trên gắn bó mật thiết với nhau trong một chỉnh thể thống nhất, vừa làm tiền đề, điều kiện, vừa tác động lẫn nhau trong quá trình phát triển. Cùng với quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, vấn đề có ý nghĩa quan trọng là phải xác định được con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trên cơ sở vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tổng kết kinh nghiệm thành công và cả kinh nghiệm chưa thành công trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta và các nước khác, đặc biệt là những kinh nghiệm của những năm đổi mới, Đảng ta đã nêu ra những phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, gồm:

Một là, "xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nguyên kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích Tổ quốc và của nhân dân".

Hai là, "phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân".

Ba là, "phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu".

Bốn là, "tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với

những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội".

Năm là, "thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới".

Sáu là, "xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng".

Bảy là, "xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta".

Đó là những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, những quan điểm về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng, đó là những định hướng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Những thành tựu và hạn chế trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta?

Trả lời:

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta được tiến hành trong điều kiện có những thuận lợi, song khó khăn, thách thức rất lớn. Trong hoàn cảnh đó, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân với đường lối đúng đắn, sáng tạo, đất nước ta đã giành nhiều thành tựu to lớn. Đại hội VIII của Đảng (1996) nhận định:

"... Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội nhưng còn một số mặt chưa vững chắc.

Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thế kỷ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn".

Phát huy những kết quả đạt được trong 5 năm qua (1996-2000) dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng mà Đại hội IX của Đảng đã khẳng định:

- Kinh tế tăng trưởng khá, tổng sản phẩm GDP trong nước tăng bình quân hàng năm 7%. Hệ thống kết cấu hạ tầng được tăng cường.
- Văn hóa xã hội có những tiến bộ, đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện.
- Tình hình chính trị - xã hội cơ bản được ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường.
- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng, hệ thống chính trị được củng cố.

- Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả.

Tổng sản phẩm trong nước năm 2001 tăng gấp đôi so với năm 1990. Ngày nay, thế và lực của đất nước ta đã lớn mạnh lên rất nhiều.

Những thành tựu của 5 năm qua đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Đạt được thành tựu trên là do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối lãnh đạo đúng đắn; Nhà nước ta có cố gắng lớn trong việc quản lý điều hành; toàn dân tộc đã phát huy lòng yêu nước, tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, cần cù, năng động, sáng tạo...

Tuy nhiên, bên cạnh đó chúng ta còn những yếu kém cần khắc phục:

Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Một số vấn đề văn hóa xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Cơ chế chính sách chưa đồng bộ; tình trạng tham nhũng, suy thoái ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Đây là những vấn đề cần phải được nhanh chóng khắc phục để đất nước phát triển bền vững.

Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã được Đại hội IX của Đảng bổ sung và phát triển như thế nào?

Trả lời:

- Sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới và 10 năm thực hiện Cương lĩnh, đất nước ta đã thu được những thành tựu quan trọng. Thành tựu đó đã khẳng định mô hình và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là hoàn toàn đúng đắn. "Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội..., đồng thời giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta". Đại hội IX của Đảng khẳng định mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta nhưng bổ sung thêm từ "dân chủ" để phản ánh đầy đủ hơn, rõ ràng hơn nhận thức của chúng ta về mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

- Đại hội IX cũng xác định: Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là một sự nghiệp khó khăn, phức tạp, cho nên tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ.

- Về mô hình tổng quát, Đại hội đã nói rõ hơn về sự khác nhau giữa kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa trên các điểm căn bản như về mục đích, về các thành phần kinh tế, về chế độ quản lý, chế độ phân phối. Trong đó, khẳng định kinh tế Nhà nước và quản lý của Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Trong thời kỳ quá độ còn tồn tại các giai cấp, nhưng mối quan hệ của các giai cấp đó là quan hệ hợp tác và đấu tranh. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn này là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng

xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, đấu tranh khắc phục tình trạng tiêu cực, đấu tranh làm thất bại âm mưu diễn biến hoà bình của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

- Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Đại hội IX tiếp tục khẳng định nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời làm rõ khái niệm, nguồn gốc hình thành về nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường của cách mạng Việt Nam, là tài sản to lớn của Đảng và của dân tộc Việt Nam.

Kết luận

Chúng ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh có những khó khăn và thử thách rất lớn, nhưng chúng ta cũng có những thời cơ và thuận lợi rất cơ bản:

Một là, chúng ta có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, một Đảng giàu tinh thần cách mạng, vững vàng, sáng tạo, đã kế thừa và phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc, có kinh nghiệm lãnh đạo qua các thời kỳ cách mạng, đặc biệt kinh nghiệm của những năm đổi mới vừa qua có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta... Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ cơ bản hoàn thành cho phép ta chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng xác định rõ hơn. Đó chính là cơ sở để chúng ta có thể khẳng định dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, nhân dân ta nhất định xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Hai là, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng số đông đã trải qua rèn luyện thử thách trong thực tiễn của cuộc đấu tranh cách mạng, gắn bó với Đảng, với chế độ, trung thành với đường lối của Đảng, đang nỗ lực phấn đấu biến đường lối của Đảng thành hiện thực sinh động. Đảng đã xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo đoàn kết, trung thành với sự nghiệp cách mạng, vững vàng về chính trị, có khả năng lãnh đạo đất nước, đối phó với những khó khăn, thách thức để đưa cách mạng tiếp tục đi lên theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Ba là, nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, cần cù, thông minh, sáng tạo. Trải qua thực tiễn cách mạng, ý thức giác ngộ chính trị của nhân dân đã được nâng cao, gắn bó với chế độ, với Đảng. Qua thực tiễn của tình hình chính trị trên thế giới và trong nước những năm qua, nhân dân ta càng nhận rõ: Chỉ có đi theo Đảng, đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng thì đất nước mới phát triển, cuộc sống của nhân dân mới được ấm no, tự do và hạnh phúc. Đó là cơ sở chính trị quan trọng, quyết định sự thắng lợi của cách mạng.

Từ những bài học của cách mạng Việt Nam trong mấy chục năm qua, nhất là những kinh nghiệm thu được trong những năm đổi mới, chúng ta có cơ sở khoa học để tin tưởng rằng: Với chủ nghĩa yêu nước, truyền thống quý báu của dân tộc ta, với tinh thần chủ động sáng tạo, ý chí tự lực tự cường của nhân dân ta, lại có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng cách mạng kiên cường, với sự giúp đỡ và hợp tác của bạn bè quốc tế, nhân dân ta có đủ khả năng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Sự nghiệp cách mạng vĩ đại đó, Đảng và nhân dân đặt niềm tin rất lớn ở thanh niên vì thanh niên là người chủ tương lai của đất nước, người kế tục sự nghiệp của cha anh. Với những truyền thống vẻ vang của mình, thanh niên Việt Nam sẽ cố gắng hiến cho công cuộc đổi mới, xứng đáng với niềm tin của Đảng và nhân dân.

Câu 5:

Trình bày quan điểm về những đặc trưng bản chất về bước đi và biện pháp xây dựng CNXH của HCM. Đảng ta đã vận dụng những quan điểm đó vào công cuộc đổi mới như thế nào?

Trả lời:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991) đã thông qua "*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ*" trong đó khẳng định: "*Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động*". Đây là kết luận rút ra từ kết quả tổng kết sâu sắc thực tiễn lịch sử của Đảng và của cách mạng Việt Nam trong suốt quá trình cách mạng từ khi thành lập Đảng đến nay. Đó là một quyết định có tầm lịch sử quan trọng thể hiện bước tiến trong tư duy lý luận của Đảng ta.

Hơn 70 năm qua, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã dẫn dắt dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tổng kết 15 năm đổi mới ở nước ta, Đảng đã rút ra những bài học kinh nghiệm chủ yếu, trong đó bài học hàng đầu là phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ thực tiễn phong phú và những thành tựu to lớn đã đạt được, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng khẳng định: "*Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*".

Vì vậy, việc nghiên cứu, học tập để nắm vững, biết vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ và trách nhiệm hàng đầu của mỗi cán bộ, đoàn viên và thanh niên Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ xây dựng Nhà nước kiểu mới

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khai sinh ra nước dân chủ cộng hòa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân, xuất hiện lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc và đây cũng là Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Chính Người đã trực tiếp thiết kế, xây dựng bộ máy nhà nước đó, gắn với yêu cầu trong sạch, vững mạnh. Tìm hiểu bản chất của Nhà nước ta, Nhà nước do Hồ Chí Minh sáng lập thì nội dung đầu tiên cần phải làm rõ đó là tính chất của dân, do dân và vì dân của bộ máy Nhà nước.

Thứ nhất: Nhà nước ta là Nhà nước của dân.

Nói đến Nhà nước, thì bao giờ cũng là Nhà nước của một giai cấp trong mỗi chế độ xã hội cụ thể. Nhà nước ta cũng vậy, nó mang bản chất giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong đó lợi ích của Đảng của giai cấp, của dân tộc là thống nhất. Vì vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta là Nhà nước của dân. Quan niệm trên là nội dung cơ bản nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước, nó phản ánh tư

tướng đại đoàn kết của Người, đồng thời phản ánh chính xác lý luận về vai trò quần chúng nhân dân trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Nội dung cụ thể đầu tiên về Nhà nước của dân là thực hiện quyền dân chủ của nhân dân, dân bầu ra Nhà nước bầu ra chính quyền các cấp. Ngay sau khi thành lập nước, Bác Hồ đã sớm đề nghị Chính phủ tổ chức, "tổng tuyển cử, với chế độ phổ thông bầu phiếu". Cùng với việc nhân dân bầu ra Nhà nước, là việc nhân dân thực hiện quyền kiểm soát Nhà nước, Bác Hồ nói: "Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là ra sức phụng sự lợi ích của nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành và tận tụy của nhân dân". Hồ Chí Minh khẳng định: "Nạn lãng phí, tham ô là do bệnh quan liêu, mệnh lệnh trong công tác của các cấp lãnh đạo ở các cơ quan Nhà nước gây ra... Đồng bào có oan ức mới khiếu nại, ta giải quyết tốt các khiếu nại, đồng bào thấy Đảng và Chính phủ được củng cố tốt hơn".

Thứ hai: Nhà nước do dân, mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

Hồ Chí Minh cho rằng: "Chế độ kinh tế và xã hội ta nhằm thực hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân, trong đó nhân dân có vai trò và điều kiện tham gia quản lý Nhà nước. Người xác định: "Bao nhiêu quyền hạn đều của dân, xây dựng đất nước là trách nhiệm của nhân dân". Như vậy nói: "Nhà nước do dân" là khẳng định vai trò làm chủ của nhân dân, trong đó mỗi công dân đều có quyền làm chủ ở tất cả các quan hệ xã hội; làm chủ thông qua nhiều tổ chức mà tổ chức cao nhất là Nhà nước. Yêu cầu thực hiện "Nhà nước do dân" còn được Người chỉ rõ: "Làm việc gì cũng phải có quần chúng, không có quần chúng thì không thể làm được... Cho nên việc gì có quần chúng tham gia bàn bạc khó mấy cũng trở nên dễ dàng và làm được tốt...".

Thứ ba: Nhà nước vì dân, toàn tâm toàn ý phục vụ Nhà nước nhân dân.

Với tinh thần yêu nước, thương dân vô hạn, chỉ hơn một tháng sau khi thành lập nước, trong một bức thư gửi các cơ quan từ Trung ương đến cơ sở, Bác Hồ với tư cách người đứng đầu cả nước đã nhắc nhở cán bộ: "Chúng ta phải hiểu rằng các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các cơ làng đều là đầy tớ của dân, nghĩa là để gánh vác chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp - Nhật.

"Việc lợi cho dân, ta phải hết sức làm

Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh".

Bản thân Bác suốt đời là một tấm gương trong sáng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, Người nói: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo, là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, uỷ thác cho tôi gánh vác việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm, ngày, nhằn nhục, cố gắng vì mục đích đó...".

Hồ Chí Minh yêu cầu mọi chủ trương, chính sách, mọi quy định đều phải thật sự vì dân. Cán bộ, nhân viên phải thật sự gương mẫu; phải biết "Tiên ưu, hậu lạc"; Phải nêu cao tinh thần "Cần, kiệm, liêm, chính". Ngay trong buổi đầu xây dựng Nhà nước cách mạng non trẻ, Người đã xác định mục tiêu hoạt động của Nhà nước là:

1. Làm cho dân có ăn

2. Làm cho dân có mặc

3. Làm cho dân có chỗ ở

4. Làm cho dân có học hành"

Người giải thích: "Chúng ta đã hy sinh phần đầu, để giành độc lập... chúng ta tranh được độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do độc lập, cũng không làm gì".

Trong những năm gần đây Nhà nước và nhân dân ta đã thu được những thành công nhất định trong lĩnh vực kinh tế và chính trị. Chính phủ đã ra nhiều nghị quyết, chương trình nhằm đẩy mạnh việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh. Đó chính là đường hướng nhằm quán triệt sâu sắc hơn, đầy đủ hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước trong thời kỳ đổi mới.

Câu 6:

Nêu nguồn gốc tư tưởng HCM ?

Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì?

Trả lời:

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng nhiệt huyết, hết lòng vì nước, vì dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại một di sản tinh thần hết sức sâu sắc, cao cả không chỉ góp phần to lớn và quyết định vào thắng lợi của dân tộc trong những năm qua mà còn có ý nghĩa chỉ đạo lâu dài cho sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, nhân dân ta. Tổng hợp những giá trị tinh thần đó là tư tưởng Hồ Chí Minh.

Vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? Trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội IX của Đảng đã nêu rõ:

"Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta".

Định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh như trên thể hiện bốn nội dung chủ yếu cần nắm vững:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kế thừa và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam và tinh hoa văn hoá nhân loại.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong hơn 70 năm qua, tiếp tục soi sáng con đường cách mạng Việt Nam trong thời gian tới.

Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh?

Trả lời:

1. Nguồn gốc:

Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành từ những nguồn gốc chủ yếu sau:

a. Chủ nghĩa Mác-Lênin là nhân tố ảnh hưởng và tác động quyết định đến quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đó là cơ sở hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học của Hồ Chí Minh, nhờ đó mà Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã có bước phát triển về chất từ một người yêu nước trở thành một chiến sĩ cộng sản lỗi lạc, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn. Chính trên cơ sở của lý luận Mác-Lênin đã giúp Người tiếp thu và chuyển hoá những nhân tố tích cực, những giá trị và tinh hoa văn hoá của dân tộc và của nhân loại để tạo nên tư tưởng của mình phù hợp với xu thế vận động của lịch sử. Vì vậy, trong quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh thì chủ nghĩa Mác-Lênin có vai trò to lớn, là cơ sở, nguồn gốc chủ yếu nhất.

b. Tư tưởng Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc:

Trải qua mấy ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đã hun đúc, tạo lập cho dân ta một nền văn hoá phong phú, đa dạng và thống nhất bền vững với những giá trị truyền thống tốt đẹp, cao quý, trong đó chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là nấc thang cao nhất của văn hoá Việt Nam.

Đây là tài sản có giá trị nhất trong hành trang của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là cơ sở xuất phát, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, là động lực giúp Người vượt qua mọi gian nan thử thách, hiểm nguy. Đây là nguồn gốc, là một cơ sở quan trọng để hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

c. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu có chọn lọc những yếu tố tích cực của văn hoá phương Đông trong Nho giáo và Phật giáo, như lòng vị tha, tư tưởng từ bi bác ái, tình yêu thương con người; triết lý hành đạo giúp đời, tu thân dưỡng tính, truyền thống hiếu học...

Tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, dân chủ và phong cách dân chủ, nhân quyền của văn hoá phương Tây...

Như vậy, trên con đường hoạt động cách mạng Người đã làm giàu trí tuệ của mình bằng trí tuệ của thời đại: Đông, Tây, kim, cổ..., vừa thu hái, vừa gạn lọc, suy nghĩ và lựa chọn, kế thừa, vận dụng, phát triển góp phần làm phong phú, tạo nên tư tưởng của Người.

d. Những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh.

Trước hết, đó là tư duy độc lập tự chủ, sáng tạo cộng với đầu óc phê phán tinh tường, sáng suốt trong việc nghiên cứu, tìm hiểu và vận dụng, phát huy tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là sự khổ công học tập nhằm chiếm lĩnh vốn tri thức phong phú của thời đại và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn qua các phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động quốc tế. Đó là tâm hồn, ý chí của một nhà yêu nước, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành, một trái tim yêu nước thương dân, thương yêu con người, sẵn sàng chịu đựng những gian khổ hy sinh vì độc lập của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Chính những phẩm chất cá nhân hiếm có đó đã quyết định việc Hồ Chí Minh tiếp nhận, chọn lọc chuyển hoá, phát triển những tinh hoa của dân tộc và của thời đại thành tư tưởng đặc sắc của Người.

2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh không phải đã hình thành ngay một lúc mà trải qua một quá trình tìm tòi, xác lập, phát triển và hoàn thiện gắn với quá trình hoạt động cách mạng phong phú của Người, gồm 5 giai đoạn sau:

- Giai đoạn hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng (từ năm 1890 - 1911).
- Giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm (1911 - 1920).
- Giai đoạn hình thành cơ bản về con đường cách mạng Việt Nam (1921 - 1930).
- Giai đoạn vượt qua thử thách, kiên trì con đường đã xác định của cách mạng Việt Nam (1930 - 1941).
- Giai đoạn phát triển và hiện thực hoá tư tưởng Hồ Chí Minh (1941 - 1969).

Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh gồm những vấn đề nào?

Trả lời:

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đó là:

1. Tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh và mong muốn của Người là mục tiêu giành độc lập, tự do cho đất nước, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, làm cho nhân dân "ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Để thực hiện mục tiêu đó cần thực hiện sự giải phóng triệt để: Đó là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Chính vì mục tiêu cao cả đó, Người đi tìm đường cứu nước và đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giải phóng nhân dân lao động trên toàn thế giới.

2. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Người đã chỉ ra rằng: "Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". Người đã giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Những tư tưởng quan trọng này xuất phát từ một đòi hỏi thực tiễn bức xúc: Phải chống chủ nghĩa thực dân, phải gắn liền cách mạng thuộc địa với cách mạng ở chính quốc. Con đường để

giữ vững độc lập, tự do, hạnh phúc, ấm no cho dân tộc là con đường đi lên xã hội chủ nghĩa, phải tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. **Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội** là tư tưởng chủ đạo trong toàn bộ di sản lý luận Hồ Chí Minh.

3. Tư tưởng về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc.

Thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Hồ Chí Minh đã đưa vai trò của nhân dân lên tầm cao mới: Nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử, là người chủ thực sự của đất nước; coi nhân tố con người là nguồn lực cơ bản tạo nên sức mạnh vô địch để kháng chiến, kiến quốc. Người thường nói: *Để trăm lần không dân cũng chịu; khó vạn lần dân liệu cũng xong*. Sức mạnh của nhân dân được nhân lên gấp bội khi thực hiện được khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam. Người khẳng định: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".

4. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân.

Dân chủ là bản chất của chế độ XHCN. Dân chủ là mục tiêu, là động lực của cách mạng XHCN. Thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, trong nhân dân là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Nhà nước là công cụ chủ yếu để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Do đó, Hồ Chí Minh coi trọng việc xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, của dân, do dân, vì dân. Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân, có tính dân tộc và nhân dân sâu sắc do Đảng lãnh đạo, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực; đội ngũ cán bộ Nhà nước phải có đức, có tài, phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, là công bộc của nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ. Để xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chỉ rõ phải kiên quyết đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Coi tham ô, lãng phí, quan liêu là ba thứ "giặc nội xâm" rất nguy hiểm.

5. Tư tưởng về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

Vận dụng sáng tạo tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin về bạo lực cách mạng, Hồ Chí Minh luôn coi bạo lực cách mạng là sức mạnh tổng hợp của nhân dân, bao gồm các hình thức: Chính trị, quân sự và sự kết hợp giữa chính trị và quân sự. Trong quá trình đấu tranh giành và giữ chính quyền, giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, bên cạnh việc chăm lo xây dựng lực lượng chính trị, phải chăm lo xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thực hành chiến tranh nhân dân với sức mạnh tổng hợp. Người nhấn mạnh: Quân sự phải phục tùng chính trị, lấy chính trị làm gốc. Quân đội ta là quân đội nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ, quân đội ta là đội quân chính trị, đội quân chiến đấu, đội quân công tác. Lực lượng vũ trang nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng.

6. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Suốt đời Hồ Chí Minh phấn đấu cho độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân. Người chỉ rõ: Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì! Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Đảng cần phải có kế

hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân".

7. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.

Hồ Chí Minh luôn chăm lo giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên và mọi người dân về phẩm chất đạo đức cách mạng. Người đặt lên hàng đầu tư cách "Người cách mệnh" và bản thân Người cũng là một tấm gương sáng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Người coi đạo đức như là gốc của cây, là nguồn của các dòng sông. Người cộng sản mà không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Cốt lõi của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh là trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do, vì CNXH.

8. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.

Người coi bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết "Vì lợi ích mười năm trồng cây; vì lợi ích trăm năm trồng người". Người nói: Đảng cần phải chăm lo, giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng CNXH vừa "hồng" vừa "chuyên".

9. Tư tưởng về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Theo Hồ Chí Minh, muốn làm cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng, Đảng có vững cách mạng mới thành công. Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa chân chính làm cốt, chủ nghĩa như trí khôn của người, như la bàn của con tàu. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Muốn vậy, Đảng phải trong sạch, vững mạnh về mọi mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức, kiên định mục tiêu, lý tưởng; có đường lối cách mạng đúng đắn; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành tự phê bình và phê bình; thực sự đoàn kết nhất trí; mỗi đảng viên phải không ngừng rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để thật sự xứng đáng là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, xứng đáng với niềm tin yêu của quần chúng nhân dân.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh có nội dung rất phong phú, toàn diện và sâu sắc về những vấn đề rất cơ bản của cách mạng Việt Nam, đã và đang soi đường cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Dưới ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đã vững bước tiến lên giành những thắng lợi lịch sử có ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Hiện nay, đất nước ta đang thực hiện đổi mới, mở cửa và hội nhập, công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bên cạnh thuận lợi, chúng ta cũng có nhiều khó khăn, do đó mỗi người cần nghiên cứu, học tập, nắm vững chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước để kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, như Bác Hồ hằng mong muốn.

Câu 7:

Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HCM?

Trả lời:

Tư tưởng HỒ Chí Minh là hệ thống quan điểm lý luận cơ bản về chiến lược, sách lược, phương châm, phương pháp của cách mạng Việt Nam từ giải phóng dân tộc đến CNXH. Đó là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Tư tưởng HỒ Chí Minh được hình thành do yêu cầu khách quan nhằm giải đáp những đòi hỏi bức thiết của cách mạng Việt Nam đặt ra hồi đầu thế kỷ 20 trong những điều kiện lịch sử - xã hội sau đây:

1. Sau khi vua quan nhà Nguyễn đầu hàng thực dân Pháp, nhân dân ta vẫn tiếp tục chiến đấu chống ngoại xâm trong hoàn cảnh rất khó khăn. Các phong trào yêu nước, các cuộc nổi dậy đều bị kẻ thù dìm trong biển máu. Nguyên nhân của những thất bại nêu trên là do chưa tìm được đường lối rõ ràng, đúng đắn.

2. Chủ tịch HỒ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước. Quê hương của Người (tỉnh Nghệ An) là mảnh đất giàu truyền thống bất khuất, cần cù lao động, hiếu học... nơi đã sản sinh ra nhiều anh hùng nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam. Ngay từ nhỏ, Người đã được ảnh hưởng bởi những truyền thống quý báu đó.

3. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga mở ra thời đại mới trong lịch sử loài người. Vào thời điểm ấy, sau khi bôn ba qua nhiều nước để tìm đường cứu dân, cứu nước, HỒ Chí Minh đến Thủ đô nước Pháp. Tại đây, sau khi đọc bản Luận cương về Dân tộc và Thuộc địa của V.I. Lênin, Người coi đây chính là cái “cẩm nang thần kỳ” cho sự nghiệp cứu nước và giải phóng các dân tộc thuộc địa, khẳng định thêm con đường mà Người đã chọn.

Có thể chia thành các giai đoạn là:

1. Giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm (từ 1911 đến 1920). Trong giai đoạn này Nguyễn Ái Quốc bôn ba qua các châu lục để tìm hiểu cuộc sống của người lao động tại các nước tư bản, tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn trên thế giới. Năm 1920, sau khi nghiên cứu Luận cương của Lênin, Nguyễn Ái Quốc tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba, tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa

2. Giai đoạn hình thành cơ bản (từ 1921 đến 1930). Đây là giai đoạn hoạt động cực kỳ sôi nổi của Nguyễn Ái Quốc. Người sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa, xuất bản báo “Người cùng khổ” (Le Paria), hoạt động trong quốc tế cộng sản ở Matxcơva; sáng lập ra tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội, xuất bản báo Thanh Niên; mở lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên trong nước ở Quảng Châu; sáng lập Đoàn Thanh niên cộng sản gồm 8 đồng chí đầu tiên; Chủ trì hội nghị hợp nhất, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; viết các tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” (1925); “Đường Kách mệnh” (1927) và các văn kiện tại hội nghị thành lập Đảng.

3. Giai đoạn thử thách và thắng lợi (từ 1930 đến 1945). Thời gian từ năm 1931 đến năm 1940, Nguyễn Ái Quốc hoạt động cách mạng ở nước ngoài đồng thời chỉ đạo phong trào trong nước. Người bị bắt giam một năm trong nhà tù của đế quốc Anh. Sau đó Người sang Liên Xô học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin. Những quan điểm của Người về mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, sách lược và chiến lược cách mạng Việt Nam... đã được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn, nhất là dưới ánh sáng của nghị quyết Đại hội VII Quốc tế cộng sản năm 1935.

Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên và trước hết. Người sáng lập Mặt trận Việt Minh và cùng Trung ương Đảng ta lãnh đạo thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám lịch sử trong cả nước.

4. Giai đoạn phát triển và tỏa sáng (từ 1945 đến 1969). Đây là giai đoạn toàn Đảng, toàn dân ta tiến hành hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, vừa xây dựng CNXH ở miền Bắc vừa đấu tranh giải phóng miền Nam. Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến đã đưa Việt Nam lên hàng các dân tộc tiên phong trên thế giới, đồng thời chứng minh tính khoa học, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh. Những biến động chính trị diễn ra trong những năm gần đây càng khẳng định giá trị dân tộc và giá trị toàn nhân loại của tư tưởng Hồ Chí Minh.